

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07/5/2024

V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN M1ỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Sỹ và ông Nguyễn Hà Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Việt H1c, Thư ký Tòa án nhân dân M1ện Y, tỉnh Ninh Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân M1ện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 07/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân M1ện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2024 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1994; địa chỉ xóm 8, xã K, M1ện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H1 sinh năm 1990; địa chỉ xóm 8, xã K, M1ện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2022, bản tự khai đề ngày 06/4/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh H1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K vào ngày 12/3/2013. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh H1c được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 chơi bời không quan tâm đến gia đình; năm 2009 anh H1 lại bị Toà án kết án 09 năm 09 tháng tù; nay tình cảm vợ chồng còn, nên chị H xin ly hôn anh H1. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Bùi Thu M sinh ngày 01/02/2013 và cháu Bùi Gia M1 sinh ngày 09/8/2016. Chị H đề nghị giao cả 02 cháu M và cháu M1 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H, chị H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống cho cả 02 cháu. Về tài sản, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Bản tự khai ngày 17/4/2024 bị đơn là anh H1 trình bày: Anh H1 và chị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K vào ngày 12/3/2013. Trong cuộc sống vợ chồng không có gì mâu thuẫn; nay chị H xin ly hôn, anh H1 đồng ý ly hôn chị H. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Bùi Thu M sinh ngày 01/02/2013 và cháu Bùi Gia M1 sinh ngày 09/8/2016; anh H1 đề nghị giao cả 02

cháu cho chị H nuôi dưỡng. Về tài sản, anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định; các đương trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, quyết định:

- Về ly hôn: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Bùi Văn H1.

- Về nuôi con: Giao cháu Bùi Thu M sinh ngày 01/02/2013 và cháu Bùi Gia M1 sinh ngày 09/8/2016 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H và anh H1 được quyền thăm nom con chung.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với anh H1, việc khởi kiện của chị H được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H1 cư trú tại xã K, M1ện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân M1ện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn là anh H1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về ly hôn: Chị H và anh H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã K ngày 12/3/2013; tại thời điểm đăng ký cả chị H và anh H1 đều đủ điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

Lý do ly hôn: Theo chị H khai trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 chơi bời và từ năm 2019 anh H1 lại bị kết án tù, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn; anh H1 cũng đồng ý ly hôn chị H.

Như vậy, có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H ly hôn anh H1.

[3] Về nuôi con: Chị H và anh H1 có 02 con là cháu Bùi Thu M sinh ngày 01/02/2013 và cháu Bùi Gia M1 sinh ngày 09/8/2016. Cả chị H và anh H1 đều đề nghị giao cả hai cháu M và cháu M1 cho chị H nuôi dưỡng, nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh H1, giao cả 02 cháu M và cháu M1 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H và chị H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống cho cả 02 cháu, nên Tòa án không buộc anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M1ên. Anh H1 được quyền thăm nom cháu M và cháu M1.

[4] Về tài sản: Chị H và anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng chị H anh H1 không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Bùi Văn H1.

2.2. Về con: Giao cháu Bùi Thu M sinh ngày 01/02/2013 và cháu Bùi Gia M1 sinh ngày 09/8/2016 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu M và cháu M1 đủ 18 tuổi; anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Anh H1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu M và cháu M1 được sống chung với chị H và anh H1 có quyền thăm nom cháu M và cháu M1; chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và cháu M1.

2.3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001652 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự M1ện Y, chị H đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND M1ện Y
- Chi cục THA
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

